



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 12

Số 89 (15/12/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|--|----|
| 14- 11-2008 | - Quyết định số 81/2008/QĐ-UBND về cho phép thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 20-11-2008 | - Chỉ thị số 22/2008/CT-UBND về việc triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân tại thành phố Hồ Chí Minh. | 12 |
| 25-11-2008 | - Quyết định số 5114/QĐ-UBND về phê duyệt đề án Đổi mới công nghệ công nghiệp sản xuất phục vụ chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn thành phố. | 18 |
| 26-11-2008 | - Quyết định số 5129/QĐ-UBND về nâng mức trợ cấp đối với người có công giúp đỡ cách mạng | 30 |

- 01-12-2008 - Quyết định số 82/2008/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 32

QUẬN 3

- 18-11-2008 - Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND về phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm từ 12m trở xuống các phường 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 quận 3. 36

QUẬN 8

- 26-11-2008 - Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 8. 38

THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Về cho phép thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của lực lượng Bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Công an thành phố tại Tờ trình số 69/TT-CATP(PX28) ngày 22 tháng 11 năm 2007 về thành lập lực lượng Bảo vệ dân phố kèm Đề án số 159/ĐA-CATP(PX28) ngày 22 tháng 11 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 877/TTr-SNV ngày 28 tháng 10 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập lực lượng Bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố và Thông tư liên tịch số

02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan liên quan thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 81/2008/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức hoạt động, trang bị, chế độ chính sách, kinh phí hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Bảo vệ dân phố là lực lượng quần chúng tự nguyện làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, được thành lập ở phường, thị trấn (sau đây gọi chung là phường) do Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập theo quy định.

Điều 3. Bảo vệ dân phố có chức năng thực hiện một số biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BẢO VỆ DÂN PHỐ

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bảo vệ dân phố

Nhiệm vụ, quyền hạn của Bảo vệ dân phố thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Mục II, III Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính.

Chương III

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ TRANG BỊ CỦA BẢO VỆ DÂN PHỐ

Điều 5. Tổ chức Bảo vệ dân phố

1. Tổ Bảo vệ dân phố ở khu phố

a) Mỗi khu phố thành lập một Tổ Bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 người, trong năm đầu chỉ bố trí 4 người. Tổ Bảo vệ dân phố có Tổ trưởng và các tổ viên. Nơi có từ 05 tổ viên hoặc địa bàn phức tạp về an ninh trật tự thì có thể được bầu thêm 01 Tổ phó.

b) Tổ Bảo vệ dân phố do Cảnh sát khu vực có trách nhiệm phối hợp với Cấp ủy Chi bộ và Trưởng khu phố lựa chọn, giới thiệu và tổ chức cuộc họp gồm: Trưởng, Phó khu phố, Ban Công tác Mặt trận; Ban chấp hành: Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu Chiến binh; Tổ trưởng, Tổ phó dân phố và đại diện một số hộ gia đình do Tổ dân phố cử ra (mỗi tổ dân phố cử từ 5 đến 10 hộ).

c) Người trúng cử vào Tổ Bảo vệ dân phố phải được sự đồng ý của trên 50% số người tham gia biểu quyết tán thành. Tổ trưởng Bảo vệ dân phố do Cảnh sát khu vực lựa chọn giới thiệu trong số người trúng cử Tổ Bảo vệ dân phố để tập thể Tổ Bảo vệ dân phố bầu bằng hình thức biểu quyết.

d) Căn cứ kết quả bầu cử, Cảnh sát khu vực báo cáo Trưởng Công an phường, để Trưởng Công an phường báo cáo đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn ra quyết định công nhận Tổ Bảo vệ dân phố và Tổ trưởng, Tổ phó, các tổ viên.

2. Ban Bảo vệ dân phố ở phường

a) Mỗi phường thành lập một Ban Bảo vệ dân phố. Thành viên Ban gồm các Tổ trưởng Bảo vệ dân phố trong phường. Ban Bảo vệ dân phố có Trưởng ban, từ 01 đến 02 Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban, Phó Trưởng ban do toàn thể Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố bầu theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín.

b) Trưởng Công an phường có trách nhiệm tổ chức cuộc họp Bảo vệ dân phố để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban; dự kiến nhân sự Trưởng ban, Phó Trưởng ban để hội nghị xem xét bầu. Căn cứ kết quả bầu cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Trưởng Công an phường có văn bản báo cáo đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định thành lập Ban Bảo vệ dân phố và quyết định công nhận Trưởng ban, Phó Trưởng ban, các ủy viên.

3. Nhiệm kỳ hoạt động của Bảo vệ dân phố

Nhiệm kỳ hoạt động của Bảo vệ dân phố là 05 năm. Trong nhiệm kỳ, việc thay đổi, bãi nhiệm, bổ sung các chức danh của Bảo vệ dân phố được thực hiện như sau:

a) Nếu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố mà khuyết (do chết, không đảm bảo sức khỏe, xin nghỉ việc...), không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tập thể Ban và nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật... thì Trưởng Công an phường báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cho tổ chức cuộc họp tập thể Ban Bảo vệ dân phố để bầu bổ sung hoặc lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm và bầu người thay thế.

b) Nếu Tổ trưởng, Tổ phó và các tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố mà khuyết, không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tập thể Ban và nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật thì Cảnh sát khu vực cùng với Trưởng ban Bảo vệ dân phố báo cáo đề xuất với Trưởng Công an phường cho tổ chức cuộc họp bầu bổ sung hoặc lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm và bầu người thay thế. Thành phần như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Chương III của Quy chế này.

c) Việc công nhận và bãi nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Tổ trưởng, Tổ phó và các tổ viên Bảo vệ dân phố phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định bằng văn bản. Nhiệm kỳ của người được bầu bổ sung, thay thế tính từ ngày được công nhận cho đến hết nhiệm kỳ của Ban Bảo vệ dân phố đương nhiệm.

Điều 6. Điều kiện, tiêu chuẩn tham gia lực lượng Bảo vệ dân phố

Điều kiện, tiêu chuẩn tham gia lực lượng Bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ, trong đó cần lưu ý một số điểm như sau:

1. Cư trú ổn định tại địa bàn là người đã đăng ký thường trú hoặc tạm trú có thời hạn từ 1 năm trở lên và thường xuyên sinh sống tại nơi đăng ký, có đủ năng lực hành vi dân sự.

2. Không có tiền án, tiền sự bao gồm cả những người đã có quyết định xóa án hoặc đương nhiên xóa án, những người hết thời hạn thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính.

3. Đối với chức danh Trưởng Ban Bảo vệ dân phố ngoài tiêu chuẩn chung quy định cho Bảo vệ dân phố cần có thêm tiêu chuẩn là có năng lực tổ chức thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở.

4. Ưu tiên lựa chọn Bảo vệ dân phố trong những người đã tham gia quân đội, công an hoặc tham gia công tác ở cơ quan, đơn vị nhà nước trở về địa phương.

Điều 7. Môi quan hệ, chế độ làm việc, sinh hoạt Bảo vệ dân phố

1. Môi quan hệ:

a) Đối với Cấp ủy, Ủy ban nhân dân phường, Bảo vệ dân phố chịu sự lãnh đạo, điều hành, quản lý về tổ chức và chỉ đạo chung về công tác.

b) Đối với Công an phường, Bảo vệ dân phố chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ bảo vệ an ninh trật tự và tham gia phối hợp cùng Công an phường trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

c) Đối với lực lượng Dân quân tự vệ, những người tham gia Dân phòng, các đoàn thể quần chúng và lực lượng Bảo vệ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường là quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong địa bàn theo sự chỉ đạo của Cấp ủy, Ủy ban nhân dân phường.

d) Tổ Bảo vệ dân phố chịu sự chỉ đạo, quản lý chung của Cấp ủy Chi bộ, Trưởng, Phó khu phố; sự giám sát của Ban công tác Mặt trận khu phố, nhân dân và hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ an ninh trật tự của Cảnh sát khu vực, vừa phối hợp, vừa giúp Cảnh sát khu vực trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, nhằm xây dựng khu phố an toàn về mọi mặt, phòng chống các tệ nạn xã hội.

2. Chế độ làm việc:

a) Trưởng ban phụ trách chung, chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Ban Bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban giúp việc Trưởng ban thực hiện phần việc được phân công, thay thế Trưởng ban chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Ban khi được Trưởng ban ủy quyền; ủy viên Ban Bảo vệ dân phố chịu sự điều hành của Trưởng ban, Phó Trưởng ban; trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động Tổ Bảo vệ dân phố thuộc phạm vi phụ trách.

b) Bảo vệ dân phố làm việc theo chế độ thường trực bảo đảm 24/24 giờ. Ban ngày tại điểm làm việc của Ban Bảo vệ dân phố có ít nhất 02 người để xử lý công việc; ban đêm có chế độ tăng cường ứng trực và tổ chức tuần tra canh gác.

c) Tổ Bảo vệ dân phố ở khu phố thực hiện các nhiệm vụ của Bảo vệ dân phố tại địa bàn phụ trách. Hàng ngày có 02 người trực ở điểm làm việc của tổ để xử lý công việc liên quan an ninh trật tự và tiếp nhận thông tin báo cáo của nhân dân. Những người không trực tại điểm làm việc thì làm nhiệm vụ thường xuyên của Bảo vệ dân phố theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến an ninh trật tự do Trưởng Ban Bảo vệ dân phố giao.

3. Chế độ sinh hoạt:

a) Tổ Bảo vệ dân phố hàng tuần sinh hoạt, kiểm điểm kết quả công tác trong tuần, triển khai các nhiệm vụ được Trưởng ban giao và đề ra chương trình công tác cho tuần tiếp theo và báo cáo với Ban Bảo vệ dân phố phường về kết quả nội dung công việc được giao. Cuộc họp Tổ Bảo vệ dân phố có mời đại diện cấp ủy chi bộ, Trưởng, Phó khu phố, Cảnh sát khu vực khu phố dự để chỉ đạo và hướng dẫn.

b) Ban Bảo vệ dân phố phường sinh hoạt tháng 01 lần (trừ đột xuất) để kiểm điểm đánh giá kết quả công tác, triển khai nhiệm vụ công tác tháng tới; sau đó tổng hợp tình hình báo cáo Ủy ban nhân dân và Công an phường.

c) Hàng tuần Tổ Bảo vệ dân phố và hàng tháng Ban Bảo vệ dân phố thực hiện bình xét chấm điểm thi đua. Định kỳ 6 tháng, năm có sơ kết, tổng kết công tác theo quy định.

Điều 8. Huấn luyện

1. Bảo vệ dân phố được học tập chính trị, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ công tác bảo vệ an ninh trật tự mỗi năm 01 lần theo chương trình của ngành Công an quy định theo yêu cầu nhiệm vụ.

2. Công an quận, huyện chịu trách nhiệm giúp phường, thị trấn tổ chức huấn luyện và hướng dẫn cho Bảo vệ dân phố, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường...

3. Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng Bảo vệ dân phố. Hàng năm tổ chức hội thao phòng cháy, chữa cháy và thường xuyên phối hợp cùng công an các cấp tổ chức kiểm tra công tác phòng cháy và xử lý tình huống chữa cháy của Bảo vệ dân phố ở cơ sở.

Điều 9. Trang bị

1. Bảo vệ dân phố được trang bị và sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, thiết bị cứu hộ, phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật và hướng dẫn của ngành Công an. Việc sử dụng và mang vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải đảm bảo an toàn, đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

2. Được cấp đồng phục (quần, áo, mũ, giày...), giấy chứng nhận, biển hiệu, băng chức danh và các phương tiện, dụng cụ cần thiết khác theo quy định, hướng dẫn của Công an cấp trên.

Chương IV

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI BẢO VỆ DÂN PHỐ

Điều 10. Chế độ

1. Mức phụ cấp của Bảo vệ dân phố do Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ vào điều kiện, khả năng cụ thể và cân đối ngân sách thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.
2. Phụ cấp hàng tháng theo chức danh của Bảo vệ dân phố do Ủy ban nhân dân phường chi trả theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.
3. Được mua bảo hiểm y tế tự nguyện.
4. Trong thời gian tập trung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, huấn luyện nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh trật tự, Bảo vệ dân phố được hưởng chế độ phụ cấp đi lại, ăn ở như quy định đối với Công an xã.

Điều 11. Chính sách

Bảo vệ dân phố trong khi làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc hy sinh theo quy định tại Điều 3, Điều 11 Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng thì được xem xét xác nhận là người được hưởng chính sách như thương binh hoặc liệt sỹ. Thủ tục, hồ sơ xác nhận thực hiện theo hướng dẫn tại Mục II, Mục V Phần I của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 12. Kinh phí bảo đảm hoạt động của Bảo vệ dân phố

Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Bảo vệ dân phố thực hiện như khoản 3 Mục VII Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 13. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, hướng dẫn, chỉ đạo công tác Bảo vệ dân phố thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 14. Bảo vệ dân phố được xét thi đua khen thưởng hàng năm và khen thưởng đột xuất khi lập thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ an ninh trật tự theo

Luật Thi đua, khen thưởng và Thông tư số 18/2007/TT-BCA ngày 03 tháng 10 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều 15. Bảo vệ dân phố lợi dụng chức vụ, nhiệm vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật hoặc mưu cầu lợi ích cá nhân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, uy tín của tổ chức thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Căn cứ vào Quy chế này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn chịu trách nhiệm về tổ chức, hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự của địa phương, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố. Bố trí địa điểm làm việc phù hợp theo khả năng của địa phương cho Ban, Tổ Bảo vệ dân phố; quản lý việc cấp, thu hồi giấy chứng nhận, biển hiệu, băng chức danh Bảo vệ dân phố; thực hiện chế độ, chính sách và quản lý việc sử dụng kinh phí cho hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố theo Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 17. Giám đốc Công an thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố; xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh trật tự; đề xuất thống nhất trang phục, mẫu giấy chứng nhận, biển hiệu, băng chức danh, quy định chủng loại công cụ hỗ trợ cho Bảo vệ dân phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2008/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2008

CHỈ THỊ

Về việc triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân tại thành phố Hồ Chí Minh

Luật Thuế thu nhập cá nhân đã được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Đây là loại thuế rất nhạy cảm vì có phạm vi điều chỉnh rộng trong nhiều lĩnh vực và liên quan trực tiếp đến nhiều đối tượng.

Căn cứ Chỉ thị số 22/2008/CT-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Để đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các Sở - ban - ngành, đoàn thể, quận - huyện của thành phố nhằm thực hiện hiệu quả Luật Thuế thu nhập cá nhân; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức thực hiện ngay các nội dung sau:

I. Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân

1. Giao Cục Thuế thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ nghiên cứu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Luật Thuế thu nhập cá nhân tại thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo cấp thành phố) do một đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Trưởng ban; Cục trưởng Cục Thuế làm Phó Trưởng ban Thường trực, lãnh đạo Sở Nội vụ làm Phó ban; lãnh đạo các Sở, ngành liên quan: Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Công an... là thành viên và mời lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố tham gia.

Ban Chỉ đạo cấp thành phố có trách nhiệm tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân và Chỉ thị số 22/2008/CT-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố.

2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân tại các quận - huyện (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo cấp quận - huyện) do một đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện làm Trưởng ban; các thành viên Ban Chỉ đạo quận - huyện gồm: lãnh đạo Chi cục Thuế, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng ban, ngành, đoàn thể thuộc quận - huyện có liên quan trực tiếp đến việc triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn.

Ban Chỉ đạo cấp quận - huyện chịu trách nhiệm:

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn. Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm kế hoạch, biện pháp triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân ở quận - huyện theo chương trình, kế hoạch và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo cấp thành phố, bảo đảm đúng tiến độ, nội dung và yêu cầu đã đề ra.

- Vào ngày 25 hàng tháng, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện ở quận - huyện báo cáo Ban Chỉ đạo cấp thành phố (thông qua Cục Thuế thành phố).

- Từ quý IV năm 2008, tập trung chỉ đạo việc đăng ký thuế cho tất cả các cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế và tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập trên địa bàn quận - huyện.

II. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế thu nhập cá nhân

1. Cục Thuế thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức việc tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa và các nội dung cơ bản của pháp luật thuế thu nhập cá nhân đến tất cả các tổ chức, cá nhân có liên quan để hiểu và thực hiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn quận - huyện.

3. Giám đốc các Sở, ban ngành, đoàn thể thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến về pháp luật thuế thu nhập cá nhân trong phạm vi đơn vị mình.

4. Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố dành thời lượng thích hợp để tuyên truyền phổ biến về Luật Thuế thu nhập cá nhân. Các báo của thành phố dành chuyên mục để phổ biến, đăng tải các ấn phẩm tuyên truyền về thuế thu nhập cá nhân.

III. Cục Thuế thành phố có trách nhiệm chủ động tổ chức triển khai ngay một số việc trọng tâm như sau:

1. Chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thuế theo Quyết định số 201/2004/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình cải cách hệ thống thuế đến năm 2010.

2. Phối hợp với các sở - ngành liên quan để hoàn chỉnh các dự thảo kế hoạch triển khai Luật Thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố, quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp thành phố, đảm bảo sát với chương trình, kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương và thực hiện có hiệu quả Luật Thuế thu nhập cá nhân tại thành phố.

3. Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, các tổ chức cá nhân chi trả thu nhập để tổ chức việc đăng ký thuế cho tất cả cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng có thu nhập thuộc diện chịu thuế.

4. Chủ động đề xuất xây dựng quy chế phối hợp, cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế với các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực: nhà đất, lao động, xuất nhập cảnh, ngân hàng, giao dịch chứng khoán và Kho bạc để phục vụ công tác quản lý thuế.

5. Tổ chức tập huấn kỹ nghiệp vụ quản lý thuế thu nhập cá nhân cho cán bộ, công chức thuế, các tổ chức chi trả thu nhập. Tổ chức bộ phận hỗ trợ các cơ quan chi trả thu nhập, các cá nhân trong việc kê khai, tính thuế; hướng dẫn, giải đáp thắc mắc về chính sách, pháp luật, thủ tục hành chính về thuế thu nhập cá nhân.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục Thuế thành phố và Chi cục Thuế các quận - huyện; tăng cường bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt thực hiện quản lý thuế thu nhập cá nhân. Kiến nghị Tổng cục Thuế tăng cường đầu tư thiết bị và các phần mềm ứng dụng để phát huy ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đối tượng nộp thuế và thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính thuế đối với tổ chức, cá nhân người nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế.

IV. Tăng cường trách nhiệm phối hợp của các Sở - ban - ngành, đoàn thể thành phố trong tổ chức triển khai Luật Thuế thu nhập cá nhân

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc đôn đốc, nhắc nhở các sở - ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức triển khai

thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân; cung cấp thông tin về các tổ chức hội, đoàn, tổ chức phi chính phủ trú đóng tại thành phố.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố xây dựng, thẩm định dự trù kinh phí thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân thông qua báo cáo từ các Sở - ban - ngành, quận - huyện, trình Ủy ban nhân dân thành phố duyệt.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006 - 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chỉ đạo các ngân hàng thương mại hướng dẫn khách hàng phải ghi mã số thuế trong hồ sơ mở tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc cung cấp thông tin đăng ký kinh doanh phục vụ quản lý thuế.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc cung cấp danh sách lao động tại các doanh nghiệp; danh sách người nước ngoài đã được cấp Giấy phép lao động tại địa bàn thành phố phục vụ công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố để kiểm soát việc chuyển nhượng nhà, đất nhằm thu thuế thu nhập cá nhân trong lĩnh vực này.

7. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng Quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định về đăng ký kinh doanh, xử lý nghiêm các cá nhân thực tế có kinh doanh, nhưng không có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Tiếp tục phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc quản lý tổ chức, cá nhân làm việc tại các văn phòng đại diện, chi nhánh, thương nhân nước ngoài tại thành phố.

8. Công an thành phố có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố và các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý nghiêm các trường hợp gian lận, trốn thuế hoặc không chấp hành pháp luật thuế thu nhập cá nhân. Tiếp tục phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc xác minh số ngày cư trú tại Việt Nam của cá nhân người nước ngoài; đình chỉ xuất cảnh các trường hợp nợ thuế thu nhập cá nhân theo thẩm quyền. Phối hợp với cơ quan thuế trong việc đối chiếu dữ liệu trong danh chỉ bản chứng minh nhân dân của cá nhân khi có yêu cầu.

9. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc xác nhận thông tin về hộ tịch và người phụ thuộc.

10. Sở Giao dịch chứng khoán có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc xác định nghĩa vụ thuế của các tổ chức, cá nhân thực hiện các giao dịch chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

11. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc tuyên truyền chính sách liên quan đến thuế thu nhập cá nhân cho các Lãnh sự quán, tổ chức phi chính phủ, tổ chức Liên hiệp quốc trên địa bàn thành phố; cung cấp danh sách đối tượng là nhân viên Lãnh sự, tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế không thuộc diện được hưởng quy chế miễn trừ lãnh sự.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc tuyên truyền chính sách liên quan đến thuế thu nhập cá nhân cho các trường, trung tâm trên địa bàn thành phố; cung cấp danh sách, thông tin về các trung tâm đào tạo, tổ chức giáo dục nước ngoài có chương trình đào tạo liên kết với các tổ chức trong nước, danh sách các giảng viên người nước ngoài giảng dạy tại thành phố thuộc phạm vi quản lý.

13. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc cung cấp thông tin, quản lý thu thuế thu nhập cá nhân đối với ca sĩ (trong nước và ngoài nước), vận động viên thể thao; cung cấp bản sao giấy phép đã cấp các chương trình biểu diễn của ca sĩ (trong và ngoài nước), các tổ chức sản xuất băng đĩa nhạc, phim, ảnh, các chương trình quảng cáo. Từ chối cấp phép hoạt động biểu diễn nghệ thuật thuộc thẩm quyền với cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật thuế theo đề nghị của cơ quan thuế.

14. Sở Y tế có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức xác nhận các trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục bệnh hiểm nghèo do Bộ Y tế ban hành làm căn cứ xét giảm thuế thu nhập cá nhân. Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc xác nhận đối tượng bị tàn tật, không có khả năng lao động làm căn cứ tính giảm trừ gia cảnh. Cung cấp cho cơ quan thuế danh sách bác sĩ, dược sĩ được cấp giấy phép hành nghề tại thành phố.

15. Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại thành phố có trách nhiệm phối hợp với Cục Thuế thành phố trong việc tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp thực hiện nghiêm Luật Thuế thu nhập cá nhân và pháp luật quản lý thuế.

16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chỉ đạo các tổ chức thành viên: Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Hội Nông dân thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố, các Hội nghề nghiệp... tại thành phố có trách nhiệm phối hợp với

Cục Thuế thành phố tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện nghiêm túc Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này; kiểm tra cơ quan, đơn vị trực thuộc và công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc đăng ký, kê khai, khấu trừ và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố để chỉ đạo giải quyết.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5114/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt Đề án Đổi mới công nghệ công nghiệp sản xuất phục vụ
chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp, phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Công văn số 718/SCT-KHTC ngày 23 tháng 9 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 671/SKH-CN-QLCN ngày 21 tháng 8 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Đổi mới công nghệ công nghiệp sản xuất phục vụ chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn thành phố, với các nội dung chính như sau:

Phần I

MỤC TIÊU ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT

1. Mục tiêu tổng quát:

1.1. Triển khai các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường khả năng tích cực, chủ

động của thành phố trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ quan tâm, nhanh chóng đổi mới công nghệ theo hướng hợp lý hóa và tự động hóa sản xuất với sự hỗ trợ của Nhà nước.

1.2. Hình thành thị trường công nghệ có sự điều tiết của Nhà nước. Thị trường này bao gồm các nhà tư vấn, các doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, các doanh nghiệp chế tạo, sản xuất, các nhà kinh doanh công nghệ và các cơ quan quản lý nhà nước tham gia tạo dựng thị trường và xây dựng cơ chế quản lý, vận hành điều chỉnh thị trường.

1.3. Xây dựng một giải pháp tổng thể bao gồm cải cách cơ chế, chính sách, phương án tài chính nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Trong đó, mục tiêu của giai đoạn từ nay đến năm 2010 là giai đoạn thí điểm và sau khi tổng kết đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ có đúc kết, định hướng cụ thể cho việc tiếp tục triển khai Đề án.

1.4. Hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc bốn ngành công nghiệp ưu tiên của thành phố đổi mới công nghệ thành công, nâng cao năng lực công nghệ, năng suất, chất lượng và phù hợp với mục tiêu kinh tế của thành phố đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Đối với công tác quản lý:

- Hoàn thiện và hình thành một giải pháp tổng thể bao gồm cơ chế, chính sách, tài chính... hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ phù hợp.

- Đưa Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tham gia vào quá trình hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn nói chung, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đầu tư nghiên cứu nói riêng theo đúng mục đích của Quỹ.

2.2. Đối với các ngành công nghiệp ưu tiên:

- Ngành cơ khí chế tạo máy: phấn đấu đến năm 2010 năng lực sản xuất chế tạo thiết bị trong thành phố đạt 300 - 400 triệu USD/năm bao gồm cung ứng trong nước và xuất khẩu (cho nhóm cơ khí chế tạo máy).

- Các ngành điện tử - công nghệ thông tin, hóa dược, chế biến thực phẩm sau 5 năm có ít nhất 100 doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ đạt hiệu quả mong đợi và có ít nhất 10 công nghệ nguồn/công nghệ cao được hỗ trợ chuyển giao có hiệu quả đến các doanh nghiệp.

- Hỗ trợ các ngành công nghiệp ưu tiên của thành phố đổi mới công nghệ, hợp lý hóa và tự động hóa sản xuất. Mục tiêu đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp của thành phố phải đạt tỷ lệ 15%/năm.

2.3. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ:

- Thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ, trên cơ sở giới thiệu, trình diễn công nghệ tiên tiến, đưa các bên tham gia thị trường về đúng vai trò và đảm bảo thực hiện đúng quy định của nhà nước và các cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

- Tăng cường năng lực nghiên cứu sản xuất chế tạo thiết bị của ngành cơ khí; hỗ trợ thông tin công nghệ và hỗ trợ tài chính.

- Hỗ trợ tư vấn, lựa chọn và chuyển giao công nghệ nguồn, công nghệ cao cho các doanh nghiệp.

2.4. Nâng cao công tác đào tạo, năng lực quản lý công nghiệp:

- Đề xuất các cơ chế chính sách hỗ trợ về pháp lý và tài chính.

- Phát triển các chương trình trợ giúp tư vấn kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tiêu chuẩn hóa, chuyển giao, giải mã phát triển công nghệ.

Các kết quả của Đề án sẽ góp phần vào việc thực hiện thành công một số mục tiêu chung của Đề án Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp, phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2006 - 2010.

Phần II

NỘI DUNG HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT ĐẾN NĂM 2010

Đề án giải quyết các mục tiêu đặt ra thông qua việc triển khai cụ thể 05 hợp phần sau:

Hợp phần 1: Xây dựng giải pháp tổng thể về cơ chế, chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ

1. Kết quả cần đạt:

- Phát hiện những vướng mắc còn tồn tại về môi trường pháp lý và cơ chế chính sách về đổi mới công nghệ; đề xuất ban hành một số cơ chế chính sách hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ.

- Xây dựng cơ chế thủ tục tài chính phù hợp, khắc phục những rào cản của thủ tục tài chính hiện có ảnh hưởng đến đổi mới công nghệ doanh nghiệp.

- Xây dựng quy trình, mẫu biểu, cách thức triển khai phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp trong suốt quá trình triển khai Đề án.

2. Nội dung thực hiện:

- Chương trình cải tiến thủ tục, quy trình quản lý hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

- Chương trình xây dựng công cụ tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ; khai thác thương mại tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu khoa học được tạo ra từ kinh phí nhà nước.

- Xây dựng chính sách công nghệ hỗ trợ phát triển công nghệ 04 ngành công nghiệp ưu tiên của thành phố.

- Tổ chức phổ biến thực thi Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và hệ thống văn bản hướng dẫn phục vụ đổi mới công nghệ.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào quá trình ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp công nghệ mới.

- Thời gian thực hiện: 1/2008 - 12/2010.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Viện Nghiên cứu phát triển của thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan.

- Kinh phí thực hiện: 300.000.000 đồng.

Hợp phần 2: Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị và chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp, gồm có 04 chương trình nhánh:

Chương trình 1: Đào tạo đội ngũ kỹ thuật, nghiên cứu và triển khai (R&D), nâng cao năng suất - chất lượng cho các doanh nghiệp

1. Kết quả cần đạt: đến năm 2010 và những năm tiếp theo, trên 50% doanh nghiệp thuộc bốn ngành công nghiệp ưu tiên được đào tạo, tập huấn các kiến thức quản lý sản xuất, năng lực nghiên cứu và triển khai, năng lực thiết kế, chế tạo, làm chủ công nghệ, sở hữu trí tuệ...

2. Nội dung thực hiện: tổ chức các đợt đào tạo về quản lý sản xuất, các phương pháp quản lý hiện đại, nâng cao kỹ năng nghiên cứu, huấn luyện kỹ năng thiết kế, kỹ năng mua bán chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất - chất lượng và xây dựng các tiêu chuẩn sản xuất.

- Thời gian thực hiện: 4/2008 - 12/2010.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: các đơn vị được tuyển chọn giao thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của nhà nước.

- Kinh phí thực hiện: 956.000.000 đồng.

Chương trình 2: Nâng cao năng lực tiếp thu, giải mã công nghệ nước ngoài

1. Kết quả cần đạt:

- Đáp ứng 100% đơn hàng nghiên cứu, giải mã công nghệ từ các doanh nghiệp sản xuất và từ các công ty chế tạo máy.

- Sau 5 năm, có ít nhất 50 sản phẩm thiết bị, dây chuyền sản xuất được chế tạo từ các công ty chế tạo máy.

- Tổ chức nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu sản xuất thử từ Sở Khoa học và Công nghệ đến doanh nghiệp.

2. Nội dung thực hiện:

- Giúp các đơn vị sản xuất xây dựng bộ phận nghiên cứu, kỹ thuật có năng lực cải tiến, sửa chữa, vận hành, nâng cấp các thiết bị đang sử dụng.

- Đầu thầu nghiên cứu, giải mã công nghệ; hoặc chuyển giao những kết quả nghiên cứu từ Sở Khoa học và Công nghệ cho doanh nghiệp.

- Triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học: công nghiệp tự động hóa, công nghệ năng lượng, vật liệu mới,... từ nguồn kinh phí ngân sách khoa học hàng năm của thành phố.

- Xây dựng một kênh giao tiếp hiệu quả thông tin giữa Sở Khoa học và Công nghệ với các doanh nghiệp để giải quyết kịp thời các yêu cầu.

- Xây dựng và nâng cấp các Trung tâm thiết kế, chế tạo thiết bị mới và Trung tâm ươm tạo công nghệ trong nước.

- Thời gian thực hiện: 7/2007 - 12/2010.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: là các đơn vị trúng thầu và trúng tuyển chọn giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định.

- Kinh phí thực hiện: Ngân sách nghiên cứu khoa học hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương trình 3: Tiêu chuẩn hóa sản phẩm công nghệ, hệ thống kiểm định chất lượng và đăng ký sở hữu trí tuệ

1. Kết quả cần đạt:

- Phần đầu 100% các thiết bị chế tạo trong nước được hỗ trợ đăng ký tiêu chuẩn chất lượng các cấp quốc gia và xuất khẩu (EU, JIS...).

- Thực hiện đạt 100% tư vấn sở hữu trí tuệ cho hai nhóm doanh nghiệp chế tạo máy và doanh nghiệp sản xuất.

2. Nội dung thực hiện:

- Xây dựng hệ thống và cơ chế tiếp nhận, thông tin đến các đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp chế tạo máy.

- Hội thảo giới thiệu Đề án với các doanh nghiệp, các nhà tư vấn.

- Đấu thầu chọn đơn vị tư vấn và đơn vị công nhận.

- Thời gian thực hiện: 4/2008 - 12/2010.

- Kinh phí thực hiện: 400.000.000 đồng.

Chương trình 4: Phát triển nhóm tư vấn công nghệ

1. Kết quả cần đạt: hình thành nhóm các công ty tư vấn, chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp phục vụ nhu cầu thông tin của doanh nghiệp.

2. Nội dung thực hiện: tổ chức và điều phối các nhóm tư vấn thực hiện các nhiệm vụ chuyên trách như: tư vấn doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, tư vấn tiêu chuẩn sản phẩm, tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn sở hữu trí tuệ, cung cấp thông tin thị trường theo nhu cầu của doanh nghiệp và hỗ trợ tư vấn tại các Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ của thành phố.

- Thời gian thực hiện: 4/2008 - 12/2009.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Đại học Bách khoa, Hội Doanh nghiệp...

- Kinh phí thực hiện: 2.744.000.000 đồng.

Hợp phần 3: Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, tiếp thu và làm chủ công nghệ nhập khẩu, gồm có 03 chương trình nhánh:

Chương trình 1: Hỗ trợ chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, tiếp thu và làm chủ công nghệ nước ngoài

1. Kết quả cần đạt:

- Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí tư vấn lựa chọn công nghệ, mua phát minh sáng chế (patent), phí cấp license công nghệ (công nghệ nguồn, công nghệ cao), nghiên cứu hoàn thiện và chuyển giao công nghệ đối với các doanh nghiệp cùng tham gia đầu tư triển khai.

- Phần đầu đến năm 2010, hỗ trợ tư vấn, lựa chọn và chuyển giao được 10 công nghệ nguồn/công nghệ cao cho thành phố.

2. Nội dung thực hiện: hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo một hoặc một số hoặc toàn bộ các nội dung sau:

- Nội dung công nghệ thuộc hoặc gắn với các đối tượng sở hữu công nghiệp được phép chuyển giao và đang trong thời gian được pháp luật Việt Nam bảo hộ.

- Các bí quyết công nghệ, kiến thức dưới dạng phương án công nghệ, các giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, phần mềm... có kèm hoặc không kèm theo máy móc thiết bị.

- Các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.

- Hướng dẫn thực hiện các quy trình công nghệ được chuyển giao, tư vấn quản lý kinh doanh; đào tạo, huấn luyện chuyên môn.

- Cấp phép đặc quyền kinh doanh và thời hạn sử dụng.

- Thời gian thực hiện: 4/2008 - 12/2009.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Kinh phí thực hiện: theo hợp đồng được phê duyệt.

Chương trình 2: Thiết kế chế tạo thiết bị trong nước và nội hóa công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ mới

1. Kết quả cần đạt:

- Chế tạo thiết bị theo nhu cầu (đặt hàng) đổi mới công nghệ của các công ty và doanh nghiệp.

- Phần đầu đến năm 2010, doanh thu của ngành cơ khí chế tạo máy đạt 300 - 400 triệu USD và xuất khẩu đạt 50 triệu USD.

2. Nội dung thực hiện:

- Hoàn thiện quy trình, cơ chế tài chính phù hợp cho chế tạo thiết bị (phối hợp với Hợp phần 1).

- Tổ chức chương trình giới thiệu Đề án thiết kế chế tạo thiết bị và nội hóa công nghệ.

- Phát triển chương trình Vườn ươm công nghệ, Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ trong trường đại học.

- Phát triển chương trình chế tạo thiết bị với chi phí thấp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp chế tạo máy nâng cao năng lực giải mã công nghệ nước ngoài, thiết kế - chế tạo sản phẩm mới (kết hợp với Hợp phần 2).

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương trình 3.3: Trình diễn giới thiệu công nghệ thiết bị mới

1. Kết quả cần đạt: Xây dựng mô hình trình diễn cho 4 ngành ưu tiên: cơ khí chế tạo máy, điện tử - công nghệ thông tin, hóa chất và chế biến tinh lương thực, thực phẩm.

2. Nội dung thực hiện:

- Xây dựng tiêu chí mô hình trình diễn.

- Tổ chức triển khai nhân rộng mô hình.

- Phối hợp với các tổ chức khoa học công nghệ trong nước và nước ngoài trình diễn công nghệ thiết bị mới theo chuyên đề.

- Thời gian thực hiện các chương trình nhánh: từ quý 4/2008 đến hết năm 2010 và tiếp tục duy trì theo yêu cầu thực tế.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Hải quan.

- Kinh phí thực hiện: từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ, kinh phí đầu tư từ doanh nghiệp, ngân sách nghiên cứu khoa học hàng năm và ngân sách hỗ trợ chuyển giao 05 công nghệ nước ngoài.

Hợp phần 4: Truyền thông và phát triển thị trường công nghệ

1. Kết quả cần đạt:

- 80% doanh nghiệp tham gia trong Đề án hiểu đúng và rõ ràng về các nội dung và quy trình hỗ trợ của Đề án.

- Đảm bảo đầu vào cho các Hợp phần 1, 2, 3.

- Cung cấp thông tin, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp; tiếp cận và nắm bắt nhu cầu thực tế về đổi mới công nghệ ở doanh nghiệp.

- Cung cấp thông tin công nghệ cho các bên tham gia thị trường công nghệ.

2. Nội dung thực hiện:

- Tuyển chọn công ty, đơn vị truyền thông - quảng bá. Xây dựng chương trình hợp tác, chiến lược phổ cập với báo, đài và truyền thông thông tin về Đề án.

- Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu và dịch vụ thông tin.

- Khảo sát doanh nghiệp đổi mới công nghệ (2 lần).

- Chương trình triển lãm - hội chợ, các hội thảo - hội nghị chuyên ngành. Các nội dung truyền thông, tiếp thị bao gồm: hội thảo, hội nghị chuyên đề giới thiệu Đề án với các đầu mối doanh nghiệp, trường, viện, hội tư vấn, doanh nghiệp chế tạo, cơ quan quản lý...

- Cung cấp thông tin chính sách, pháp lý, chủ trương... qua các phương tiện truyền thông, Bản tin cung cấp thông tin công nghệ, tờ rơi...

- Khảo sát, gặp gỡ doanh nghiệp trực tiếp nhận nhu cầu.

- Tổ chức triển lãm, tham quan mô hình, trình diễn...

- Phát triển sàn giao dịch công nghệ định kỳ.

- Thời gian thực hiện: 4/2008 - 8/2010.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Hội Doanh nghiệp...

- Kinh phí thực hiện: 300.000.000 đồng.

Hợp phần 5: Hỗ trợ tài chính - tín dụng

1. Kết quả cần đạt:

- Tạo một cơ chế tài chính và các nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ theo hình thức vay ưu đãi đổi mới công nghệ.

- Trong giai đoạn 2008 - 2010, hỗ trợ đến 100 doanh nghiệp vay tín dụng đổi mới công nghệ.

2. Nội dung thực hiện:

- Phối hợp với Hợp phần 1, xây dựng cơ chế tài chính, hỗ trợ theo hình thức:
 - + Giới thiệu, bảo lãnh doanh nghiệp đến các tổ chức tài chính - tín dụng để doanh nghiệp có thể vay vốn đầu tư đổi mới công nghệ.
 - + Hỗ trợ kinh phí tư vấn, khảo sát, thẩm định và chuyển giao công nghệ.
 - + Hỗ trợ nghiên cứu phát triển.
 - + Tùy từng trường hợp cụ thể (dự án và đối tượng), Ban Chỉ đạo Đề án sẽ đề xuất hỗ trợ bù lãi suất vay đối với phần vốn vay đổi mới công nghệ.
- Xây dựng quy trình hỗ trợ tín dụng đổi mới công nghệ với các nguồn vốn từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ, ngân hàng, tổ chức tài chính khác... thông qua các bước tư vấn kỹ thuật, nghiên cứu khả thi, lập phương án đầu tư, thẩm định kỹ thuật tài chính, giải ngân, giám sát, nghiệm thu.
- Tiếp xúc với các nguồn tài chính khác như ngân hàng, quỹ tín dụng... nhằm tạo thêm các sản phẩm tín dụng, các cơ chế bảo lãnh vốn vay, trợ giá lãi suất... phù hợp với quy định của WTO.
- Thời gian thực hiện: 2008 - 2010.
- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Viện Nghiên cứu phát triển, Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố.
- Kinh phí thực hiện: từ ngân sách khoa học hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ và các tổ chức tài chính khác.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề án Đổi mới công nghệ công nghiệp sản xuất phục vụ chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn thành phố là 01 Đề án nhỏ thuộc Đề án Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp thành phố.

Đề án Đổi mới công nghệ có kế hoạch hoạt động hàng năm, hàng quý, hàng tháng.

1. Ban Chỉ đạo Đề án Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp thành phố: có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc thực hiện Đề án Đổi mới công nghệ; xem xét kế hoạch triển

khai hàng năm, hàng quý, hàng tháng của Đề án; theo dõi kết quả thực hiện và tổng hợp báo cáo đánh giá chung trong báo cáo thực hiện Đề án Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp thành phố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án Đổi mới công nghệ, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung của Đề án Đổi mới công nghệ đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hàng quý, hàng tháng cho các hợp phần, chương trình của Đề án; trình Ban Chỉ đạo Đề án Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp thành phố xem xét thông qua trước khi triển khai thực hiện.

- Tham mưu đề xuất giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ hàng năm, hàng quý cho Ban Chỉ đạo Đề án Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp thành phố; công bố, phổ biến các chương trình, hợp phần cho các Hiệp hội ngành nghề thành phố, các doanh nghiệp và các đơn vị khác có liên quan trên địa bàn.

- Quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Nhà nước hiện hành.

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức Tổ giúp việc triển khai và quản lý việc thực hiện Đề án (tối đa 03 người), hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phân công cụ thể. Kinh phí hoạt động cho Tổ giúp việc được bố trí phù hợp trong dự toán kinh phí thực hiện công việc hàng năm của đề án.

3. Sở Công Thương: là cơ quan thường trực của Đề án Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp thành phố, có trách nhiệm quản lý, theo dõi, đôn đốc thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện các chương trình, đề án thuộc Đề án Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp thành phố để báo cáo cho Ban Chỉ đạo Đề án Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp thành phố.

4. Sở Tài chính: hàng năm, căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định dự toán và duyệt cấp kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thành phố về cho Sở Khoa học và Công nghệ để triển khai Đề án Đổi mới công nghệ.

Lập thủ tục và duyệt cấp kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thành phố năm 2008 số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) cho Sở Khoa học và Công

nghệ triển khai thực hiện các công việc năm 2008 của Đề án này; hướng dẫn thanh quyết toán việc sử dụng ngân sách nhà nước thành phố theo đúng quy định.

5. Các đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố, Đại học Bách khoa thành phố, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố, Hải quan thành phố, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo từng nội dung của Đề án.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan lập kế hoạch kinh phí hoạt động hàng năm trình Ban Chỉ đạo Đề án Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp thành phố thông qua và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; triển khai các hợp phần, chương trình theo kế hoạch và báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ban Chỉ đạo Đề án Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Đề án Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5129/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về nâng mức trợ cấp đối với người có công giúp đỡ cách mạng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 4189/LS-LĐT BXH-TC ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Liên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Sở Tài chính về nâng mức trợ cấp đối với người có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 503/QĐ-UB ngày 01 tháng 02 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố và Tờ trình số 6925/LĐT BXH-CS ngày 25 tháng 11 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng mức trợ cấp đối với người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp theo Quyết định số 503/QĐ-UB ngày 01 tháng 02 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố, như sau:

- Định suất cơ bản từ 80.000 đồng/người/tháng lên 240.000 đồng/người/tháng;
 - Định suất nuôi dưỡng từ 250.000 đồng/người/tháng lên 500.000 đồng/người/tháng;
- Thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2008.

Điều 2. Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân các quận, huyện lập thủ tục giải quyết kinh phí để trợ cấp cho những người có công giúp đỡ cách mạng theo mức nêu trên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 82/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 của Quy định ban hành
kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008
của Ủy ban nhân dân thành phố về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT/BTC-BTNMT ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Công văn số 4531/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc trả lời vướng mắc khi xác định đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư;

Căn cứ Kết luận số 38-KL/TU ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Ban Thường vụ Thành ủy về đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư; đất vườn, ao liền kề với đất ở trong khu dân cư để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Liên Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 11575/TT-TC-TNMT ngày 21 tháng 11 năm 2008; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3767/STP-VB ngày 29 tháng 11 năm 2008 và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 11785/TT-STC-BVG ngày 01 tháng 12 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

“2. Đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư; đất vườn, ao liền kề với đất ở trong khu dân cư: tính bồi thường theo giá đất nông nghiệp cùng loại (giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm) và được hỗ trợ thêm bằng tiền với mức bằng 40% giá đất ở để tính bồi thường có vị trí liền kề, nhưng tổng mức bồi thường và hỗ trợ không vượt quá giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng loại thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường; trường hợp giá đất cùng loại thực tế chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn tổng mức bồi thường và hỗ trợ nêu trên, thì áp dụng theo giá thực tế chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thẩm định, phê duyệt. Diện tích đất để tính hỗ trợ thực hiện như sau:

a) Là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp không có nhà ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc phạm vi các khu vực sau:

- Trong phạm vi địa giới hành chính phường;

- Trong phạm vi khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; trường hợp khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

b) Đối với diện tích đất vườn, ao thực tế đang sử dụng trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ, nhà ở dọc kênh mương, nhà ở dọc tuyến đường giao thông không thuộc các khu vực quy định tại điểm a khoản này thì diện tích đất được tính để hỗ trợ bằng tiền của mỗi thửa không quá năm (05) lần hạn mức diện tích giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất;

c) Đối với diện tích đất thuộc thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới các khu vực quy định tại điểm a khoản này thì diện tích được tính để hỗ trợ bằng tiền của mỗi thửa đất không quá năm (05) lần hạn mức diện tích giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

d) Đối với đất nông nghiệp có nguồn gốc lấn, chiếm: không tính hỗ trợ theo đất nông nghiệp xen kẽ; chỉ tính hỗ trợ theo quy định tại khoản 7 Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố”.

Điều 2. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực thi hành thì không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quyết định này.

2. Đối với các dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ ngày Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực thi hành thì xử lý như sau:

a) Trường hợp các hộ dân đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố có số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư; đất vườn, ao liền kề với đất ở trong khu dân cư nhỏ hơn so với quy định tại Quyết định này thì được xem xét tính hỗ trợ theo Quyết định này;

b) Trường hợp chưa có quyết định phê duyệt và công bố giá trị bồi thường cho các hộ dân thì áp dụng theo Quyết định này;

3. Trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản báo cáo, đề xuất cụ thể từng dự án gửi Hội đồng Thẩm định bồi thường thành phố có ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế khoản 2 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008. Các nội dung khác

không đề cập trong Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

QUẬN 3

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2008/QĐ-UBND

Quận 3, ngày 18 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm
từ 12m trở xuống các phường 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 quận 3**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng “Thay thế phần II (về quy hoạch xây dựng) - Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam tập 1 - 1997” ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, ban hành theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định kiến trúc nhà liên kế trong khu đô thị hiện hữu thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình quận 3 tại Tờ trình số 207/TT-QLDA ngày 10 tháng 9 năm 2008; ý kiến thẩm định của Phòng Quản lý Đô thị quận 3 tại Công văn số 2085/QLĐT ngày 28 tháng 10 năm 2008 và báo cáo thẩm định số 884/BC-TP ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Phòng Tư pháp quận 3,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng lộ giới đường hẻm từ 12m trở xuống của các phường 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 quận 3 theo Bản đồ tỷ lệ 1/500 đính kèm do Công ty TNHH Thiết kế và Tư vấn xây dựng SQ (đơn vị tư vấn) và Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình quận 3 (chủ đầu tư) thiết lập.

Điều 2. Lộ giới đường hẻm là phần giới hạn vị trí, kích thước lòng hẻm dành cho các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ lợi ích công cộng, là cơ sở pháp lý để thực hiện việc quản lý quy hoạch và xây dựng.

Tất cả các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khi thực hiện công tác xây dựng trên địa bàn các phường 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 quận 3 phải có trách nhiệm chấp hành, không được vi phạm ranh lộ giới hẻm đã được công bố nêu trên.

Điều 3. Cá nhân, gia đình và các tổ chức có quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hợp pháp thuộc phạm vi lộ giới hẻm vẫn được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Trong trường hợp cần giải tỏa để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi lộ giới hẻm sẽ được bồi thường, hỗ trợ theo quy định chung. Đối với trường hợp lấn chiếm, xây dựng, sửa chữa nhà bất hợp pháp trong phạm vi lộ giới hẻm phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Các ông, bà Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 3, Trưởng Phòng Quản lý Đô thị quận 3, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 3, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 3, Trưởng Phòng Tư pháp quận 3, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình quận 3, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 quận 3 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Văn Thành

QUẬN 8

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2008/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 26 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Văn hóa quận 8**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 49/2005/QĐ-BVHTT ngày 13 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin cấp huyện;

Căn cứ Công văn số 3767/CV-SVHTT ngày 09 tháng 11 năm 2005 của Sở Văn hóa và Thông tin thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố) về việc thực hiện Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin cấp huyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 8 (tại Công văn số 64/CV-TTVH ngày 07 tháng 10 năm 2008) và Trưởng Phòng Nội vụ quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 8.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 02/2006/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 8 về việc ban hành Quy chế (tạm thời) tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 8.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8, Trưởng Phòng Nội vụ quận 8, Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 8
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 8)*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, ĐỐI TƯỢNG PHỤC VỤ, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Vị trí: Trung tâm Văn hóa quận 8 là đơn vị sự nghiệp văn hóa - thông tin trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 8, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước quận 8.

2. Chức năng:

Tham mưu Quận ủy - Ủy ban nhân dân quận 8 về chủ trương, định hướng, kế hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin trên địa bàn quận bao gồm các nội dung: văn hóa, thông tin, thư viện, truyền thống, bản tin...;

Tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ sáng tạo các giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân; tổ chức các dịch vụ văn hóa, thông tin;

Tuyên truyền, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của quận theo đúng đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên làm công tác văn hóa - thông tin cơ sở, các nhà văn hóa phường;

Định hướng xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn quận 8;

Thực hiện chức năng giáo dục ngoài nhà trường. Định hướng thẩm mỹ trong hoạt động văn hoá nghệ thuật, giáo dục truyền thống, ứng xử, giao tiếp...

Điều 2. Đối tượng phục vụ

Đối tượng phục vụ chính của Trung tâm Văn hóa quận 8 là nhân dân trên địa bàn quận 8.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Căn cứ vào nghị quyết của Quận ủy, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của quận để xây dựng kế hoạch, chương trình và các giải pháp, phát triển sự nghiệp văn hóa - thông tin của quận cho từng năm và có định hướng lâu dài, tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình đề ra.

2. Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của quận.

3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, chiếu phim, thông tin lưu động, vui chơi giải trí, câu lạc bộ, đội nhóm sở thích, các lớp năng khiếu, triển lãm, nói chuyện chuyên đề, phục vụ đọc sách, bảo tàng và các loại hình hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Tổ chức hội thi, liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp công tác cho cán bộ, công nhân viên làm công tác văn hóa, văn nghệ, thông tin cơ sở và các nhà văn hóa phường, ban, ngành, đoàn thể, 16 phường, trường học... trên địa bàn quận.

5. Biên soạn, xuất bản, phát hành các tài liệu thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị.

6. Tổ chức dịch vụ văn hóa, thông tin tuyên truyền phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của cấp trên và quy định của pháp luật.

7. Hợp tác, giao lưu, trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin với các ban, ngành, đoàn thể trong quận và các trung tâm văn hóa - thông tin bạn trong, ngoài thành phố theo sự chỉ đạo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố, của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận 8.

8. Thực hiện các báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về hoạt động của đơn vị với Ủy ban nhân dân quận 8, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố.

9. Tổ chức, quản lý, bố trí sử dụng cán bộ, viên chức và cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính của đơn vị được Ủy ban nhân dân quận 8 giao; được ký kết hợp đồng lao động và quản lý lao động theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác của Quận ủy - Ủy ban nhân dân quận 8 giao.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Giám đốc: gồm có Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm Văn hóa quận 8, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 về hoạt động của đơn vị và thực hiện nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành đơn vị, được Giám đốc giao phụ trách một số công việc, lĩnh vực công tác cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công việc được phân công. Khi vắng mặt, Giám đốc có thể ủy quyền cho một trong hai Phó Giám đốc điều hành và giải quyết các công việc của đơn vị.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc của Trung tâm Văn hóa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định.

3. Các phòng nghiệp vụ:

a) Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị và Dịch vụ: có nhiệm vụ:

Tham mưu cho Giám đốc trong công tác tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bố trí sắp xếp nhân sự, hợp đồng lao động và công tác thi đua, khen thưởng;

Tham mưu công tác hành chính - quản trị, văn thư - lưu trữ, quản lý, mua sắm trang thiết bị hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 8;

Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 8 với Ủy ban nhân dân quận 8, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố theo quy định;

Khai thác, tổ chức các dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả cơ sở vật chất và trình độ chuyên môn của cán bộ, viên chức của đơn vị;

Xây dựng kế hoạch tài chính, tham mưu thu - chi điều phối ngân sách cho hoạt động của đơn vị thực hiện công tác thống kê, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Phòng Nghiệp vụ Văn hóa: có nhiệm vụ:

Căn cứ vào nghị quyết của Quận ủy, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của quận, kế hoạch hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố để xây dựng kế hoạch, chương trình và các giải pháp phát triển sự nghiệp văn hóa

chung của đơn vị cho từng năm và có định hướng lâu dài; tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình đề ra;

Tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng và các chương trình biểu diễn nghệ thuật, sân khấu hóa lễ hội phục vụ các ngày lễ, hội lớn trong năm;

Tổ chức các lớp năng khiếu, các câu lạc bộ, đội nhóm sở thích và các loại hình khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao;

Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp công tác cho cán bộ, viên chức làm công tác văn hóa văn nghệ ở cơ sở (các nhà văn hóa phường, cán bộ phụ trách văn hóa các phường);

Hỗ trợ về mặt nghiệp vụ cho các nhà văn hóa phường, các câu lạc bộ, đội nhóm tại các phường, nhà văn hóa phường;

Tổ chức hội thảo, chuyên đề, tọa đàm, có kế hoạch hợp tác, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và các hoạt động văn hóa, văn nghệ với các ban, ngành, đoàn thể trong quận và các Trung tâm Văn hóa quận, huyện khác theo chỉ đạo, kế hoạch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố, Quận ủy - Ủy ban nhân dân quận 8;

Công tác bảo tồn - bảo tàng: giữ gìn và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa của quận và giới thiệu chuyên đề về truyền thống cho thanh thiếu niên trên địa bàn quận;

Tổ chức thực hiện kế hoạch phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” quận, theo phân công của Ban Chỉ đạo quận;

Tổ chức các ngày lễ, hội...

c) Phòng Nghiệp vụ Thông tin tuyên truyền: có nhiệm vụ:

Tổ chức các hoạt động tại chỗ và lưu động về thông tin, tuyên truyền, cổ động, thời sự triển lãm, thư viện, bản tin, biên soạn, in ấn tài liệu thông tin tuyên truyền;

Có nhiệm vụ tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ về tuyên truyền, cổ động cho cán bộ nghiệp vụ cơ sở phường và thực hiện các dịch vụ có thu về tuyên truyền cổ động...;

Thời sự lấy tin và đưa tin chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Quận ủy - Ủy ban nhân dân quận 8 và các ban, ngành, đoàn thể quận đưa tin trên chương trình HTV;

Thư viện tổ chức phục vụ tốt bạn đọc tại chỗ và tổ chức luân chuyển sách, báo đến các thư viện phường, các trường học trong quận, tham gia các hoạt động của Thư viện thành phố như: tổ chức các hoạt động phong trào hội thi Nét vẽ xanh, hội thi Kể chuyện sách hè;

Bản tin: tham mưu hoạt động Bản tin và viết bài tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước kịp thời đến với nhân dân. Thu thập và biên tập tin tức, hình ảnh để nâng cao chất lượng Bản tin. Thường xuyên liên hệ với cộng tác viên tham mưu tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ viết tin nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn. Thực hiện Bản tin đúng định kỳ mỗi tháng một lần và các số đặc san nhằm kịp thời phản ánh tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn quận.

Điều 5. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ, viên chức cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, viên chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao;

Biên chế của Trung tâm Văn hóa quận 8 do Ủy ban nhân dân quận 8 ra quyết định giao chỉ tiêu biên chế trong phạm vi chỉ tiêu biên chế sự nghiệp khác của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 8 chủ động phối hợp Phòng Nội vụ quận 8, trình Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định số lượng biên chế và hợp đồng cần thiết đảm bảo cho các phòng chuyên môn, nghiệp vụ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Chế độ hội họp:

Ban Giám đốc họp một lần trong tuần, đề ra chương trình, biện pháp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ và các vấn đề có liên quan.

Ban Giám đốc giao ban với Trưởng - Phó các phòng một lần trong tuần, để nghe các phòng báo cáo kết quả công tác trong tuần và triển khai công tác mới.

Ban Giám đốc họp giao ban định kỳ một tháng một lần với toàn thể cán bộ, viên chức vào cuối tháng để đánh giá kết quả thực hiện công tác trong tháng và phổ biến công tác tháng tới.

2. Chế độ làm việc: thực hiện theo quy định của Nhà nước:

Cán bộ, viên chức của Trung tâm Văn hóa quận 8 đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, có bảng tên đặt tại bàn làm việc, trang phục gọn gàng và đeo thẻ cán bộ, viên

chức theo quy định, có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo, đồng nghiệp cũng như của khách đến liên hệ công tác.

Ban Giám đốc bàn bạc dân chủ, tôn trọng, lắng nghe ý kiến, phát huy sự năng động sáng tạo của cán bộ, viên chức để quyết định những chủ trương, nhiệm vụ công tác.

Phó Giám đốc, Trưởng các phòng nghiệp vụ giải quyết các công việc được phân công, nếu giải quyết các công việc ngoài phạm vi được phân công phải có ý kiến của Giám đốc và sau đó phải báo cáo kết quả cho Giám đốc biết.

Cán bộ, viên chức phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Phòng, của đồng nghiệp, cũng như của các cá nhân đến liên hệ công tác. Nghiêm túc chấp hành ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị.

Chương IV

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM VĂN HÓA QUẬN 8

Điều 7. Kinh phí hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 8

1. Ngân sách nhà nước cấp:

Đơn vị lên dự trù ngân sách nhà nước từng năm trình Ủy ban nhân dân quận 8 phê chuẩn, giao ngân sách năm;

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được Quận ủy - Ủy ban nhân dân quận 8 giao;

Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị ứng dụng công nghệ phục vụ hoạt động sự nghiệp, chi theo dự toán ngân sách được duyệt.

2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp:

Thu từ hoạt động nghệ thuật như: biểu diễn văn nghệ, chiếu phim, các lớp năng khiếu, các câu lạc bộ, nhóm sở thích, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, các hội thi, liên hoan, hội diễn;

Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật, dịch vụ, viện trợ, quà biếu (của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước).

3. Nội dung chi:

Lương, các khoản phụ cấp lương, các khoản chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y

tế... cho cán bộ, viên chức và người lao động của Trung tâm Văn hóa quận 8;

Chi phí quản lý hành chính: vật tư văn phòng, dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc, điện, nước sinh hoạt, công tác phí, hội nghị phí...;

Chi phí cho các hoạt động nghiệp vụ, hoạt động thu phí (nếu có);

Chi phí đầu tư phát triển, bao gồm đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

4. Cơ chế quản lý tài chính:

Trung tâm Văn hóa quận 8 thực hiện việc quản lý tài chính theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ (nay là Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập);

Trung tâm Văn hóa quận 8 có trách nhiệm sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính, cơ sở vật chất và thực hiện chế độ kế toán tài chính theo quy định của Nhà nước.

Điều 8. Quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận 8:

Trung tâm Văn hóa quận 8 chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận 8.

2. Đối với Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8:

Trung tâm Văn hóa quận 8 phối hợp cùng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 trong hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin.

3. Đối với các thiết chế văn hóa - thể thao và du lịch thành phố:

Trung tâm Văn hóa quận 8 chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các thiết chế văn hóa - thông tin thành phố.

4. Đối với các thiết chế văn hóa - thông tin cơ sở:

Trung tâm Văn hóa quận 8 hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa phường, các nhà văn hóa.

5. Đối với các cơ quan, ban - ngành, đoàn thể, các đơn vị, các tổ chức xã hội trên địa bàn quận: là mối quan hệ phối hợp công tác.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Quy chế này thay thế Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 02/2006/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 8 về việc ban hành Quy chế (tạm thời) tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 8.

Điều 10. Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 8 có trách nhiệm thực hiện Quy chế này sau khi được Ủy ban nhân dân quận 8 có quyết định chính thức và trong quá trình thực hiện cần rút kinh nghiệm, đề xuất với Ủy ban nhân dân quận 8 việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế sau khi có sự trao đổi thống nhất với Phòng Nội vụ quận 8. Tất cả cán bộ, viên chức và người lao động có trách nhiệm chấp hành và thực hiện tốt Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Chung

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng